TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2024
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Sơn

Ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân thành phố Đ – tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2024 về tranh chấp: *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Trần Phương T**, sinh năm:1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X, đường Nguyễn Thị N, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang tạm trú tại: số M, đường Cổ L, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị **Phan Thị Như,** sinh năm: 1978

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số X, đường Nguyễn Thị N, Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang tạm trú: số N, đường Ngô Thì N, Phường K, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Phương T trình bày, anh và chị Phan Thị N kết hôn với nhau vào năm 2001, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng không có tiếng nói chung trong quá trình chung sống và nuôi dạy con chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vì vậy, từ tháng 12/2023 cho đến nay vợ chồng anh đã sống ly thân nhau, anh đã chuyển ra ngoài thuê nhà sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị N không còn nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trần Phương Th, sinh ngày 07/11/2002. Hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị N trình bày, chị và anh Trần Phương T kết hôn với nhau vào năm 2001, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng chị sau khi cưới vẫn hòa thuận hạnh phúc, đôi khi cũng có những mâu thuẫn nhỏ hàng ngày nhưng không đến mức trầm trọng. Năm 2023 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh T cũng nhận ra lỗi lầm và cái sai của mình nên đã xin lỗi chị và chị cũng đã tha thứ cho anh T để vợ chồng cùng nhau chung sống và nuôi dạy con chung. Nhưng đến tháng 11/2023 anh T lại có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Từ tháng 12/2023 anh T tự ý bỏ nhà ra đi và cắt đứt mọi liên lạc với chị và con, sau đó thì làm đơn ly hôn. Nay anh T làm đơn xin ly hôn chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T vẫn còn, chị vẫn còn yêu chồng và mong muốn con có một gia đình trọn vẹn nên chị có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Phương Th, sinh ngày 07/11/2002. Hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, chị yêu cầu để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, chị xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, anh T xác định tình cảm vợ chồng với chị N không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị N. Về con chung, đã đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét gải quyết. Về tài sản chung, vợ chồng anh

tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Đồng thời, anh T xác định vợ chồng không có nợ chung.

Chị N xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh T nên mong muốn được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung và không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Phương T. Về con chung đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung, vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống nên anh Trần Phương T làm đơn xin ly hôn với chị Phan Thị N, vì vậy có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là *"Xin ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Phương T và chị Phan Thị N kết hôn với nhau vào năm 2001, trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng không chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày, chị N đôi lúc trong cách xử sự hàng ngày với anh T cũng không được khéo léo nên dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng thỉnh thoảng xảy ra xung đột.

[2.2] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N chưa đến mức trầm trọng. Qua xác minh tại địa phương nơi vợ chồng anh T, chị N sinh sống thì cuộc sống chung của vợ chồng anh T, chị N rất hòa thuận, hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Đồng thời, tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Phương Th là con chung của anh T và chị N thì cuộc sống chung của gia đình cháu từ trước đến nay sống rất hoà thuận, hạnh phúc và được xem là gia đình gương mẫu, từ tháng 4/2024 anh T đi làm ăn xa nên gia đình mới phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, anh T cũng thừa nhận do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh T đã tự chuyển ra ngoài sinh sống, do thiếu thốn tình cảm nên anh

cũng có những mối quan hệ bạn bè khác. Còn chị N xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với anh T và tha thiết mong muốn được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung nên chị không đồng ý ly hôn; điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để không còn có thể hàn gắn được. Còn anh T cho rằng mẫu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nhưng anh T không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để xem xét.

[2.3] Để đảm bảo quyền lợi của chị N là phụ nữ cũng như tạo điều kiện về thời gian để anh T suy nghĩ về trách nhiệm của mình đối với gia đình, đồng thời tạo điều kiện cho anh T và chị N cơ hội hàn gắn tình cảm để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung nên căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Phương T đối với chị Phan Thị N là hoàn toàn phù hợp.

[3] Do không chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Trần Phương T. Đồng thời, về con chung đã đủ tuổi trưởng thành, tài sản chung anh T, chị N thống nhất để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, nợ chung không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Anh Trần Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Phương T về việc *"Xin ly hôn"* với chị Phan Thị N.

2. Về án phí: Anh Trần Phương T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000395 ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; anh T đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tp.Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND phường Y, tp. Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Ngọc